TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH THANH HÓA** *Số: 34/2023/QĐST-HNGĐ*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *C, ngày 30 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2023/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T - Sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện C, Thanh Hóa

Bị đơn: ông Lê Văn N, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện C, Thanh Hóa

Căn cứ vào điều 212; điều 213 và khoản 3, khoản 4 điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 54; 55; 57; 81; 82; 83 và điều 84 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 24; khoản 7 điều 26; điểm a khoản 5 điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 22 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Lê Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Lê Văn N thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông N thống nhất vợ chồng có 1 con chung là Lê Bùi Văn S, sinh ngày 24/12/2012. Nay ly hôn hai bên thống nhất về nuôi con và

cấp dưỡng nuôi con chung như sau: Giao cháu Lê Bùi Văn S cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Chị T và anh N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị T, anh Lê Văn N mỗi người phải nộp 75.000đ án phí DSST. Chị T tự nguyện nhận nộp cả phần án phí cho anh N, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai số AA/2021/0010432, ngày 11/01/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Chị T còn được nhận lại 150.000.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- BTP xã Cẩm Phú;
- Phòng KTNV & THA - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Dung